

Số: 663/QĐ-UBND

Xã Hồ Thị Kỷ, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh quyết toán
ngân sách địa phương 2025 của xã Hồ Thị Kỷ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒ THỊ KỶ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chi tiết dự toán ngân sách năm 2025 cho các xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/11/2025 của HĐND xã Hồ Thị Kỷ, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) về dự toán ngân sách xã Hồ Thị Kỷ năm 2025 (sau sắp xếp);

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Hồ Thị Kỷ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho xã Hồ Thị Kỷ (sau sắp xếp);

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Hồ Thị Kỷ khóa XIII, kỳ họp thứ Nhất về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã Hồ Thị Kỷ năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 68/TTr-PKT ngày 02/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 xã Hồ Thị Kỷ (kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã Hồ Thị Kỷ năm 2025 và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2025)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, Lg.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Toàn



THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 663/QĐ-UBND, ngày 9 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ)

I. KẾT QUẢ THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn (theo phân cấp): 14.589.582.925 đồng.

- Thu nội địa: **14.589.582.925 đồng.**

Trong đó: + Thu từ khu vực kinh tế NQD: 4.944.534.045 đồng.

+ Thu thuế TNCN: 666.132.224 đồng.

+ Thu lệ phí trước bạ nhà, đất: 2.556.462.460 đồng.

+ Thu phí và Lệ phí môn bài: 577.972.000 đồng.

+ Thu thuế sử dụng đất phi NN: 238.800 đồng.

+ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 26.575.050 đồng.

+ Thu tiền sử dụng đất: 5.445.134.200 đồng.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 4.434.750 đồng.

+ Thu khác ngân sách: 368.099.396 đồng.

2. Thu cân đối ngân sách xã năm 2025: 134.211.067.778 đồng.

- Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 865.059.121 đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 131.867.774.710 đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.390.325.011 đồng.

- Thu kết dư ngân sách: 87.908.936 đồng.

3. Tổng chi cân đối ngân sách xã: 134.211.067.778 đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 2.126.346.000 đồng.

Trong đó chi chương trình MTQG XDNTM 2.126.346.000 đồng

- Chi thường xuyên: 130.126.035.557 đồng.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.958.686.221 đồng.

4. Kết dư ngân sách năm 2025: 0 đồng.

(Kèm theo các biểu mẫu 59, 60 và biểu mẫu 61)

II. THUYẾT MINH MỘT SỐ KHOẢN THU - CHI CHỦ YẾU

1. Phần thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được tính giao năm 2025 là 2.140.000.000 đồng.

Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) quyết nghị thu ngân sách nhà nước là 2.140.000.000 đồng.

Kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2025 là 14.589.582.925 đồng, đạt 681,76% chỉ tiêu tỉnh và chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao.

Trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và thuế thu nhập cá nhân 5.610.666.269 đồng, đạt 616,55% so chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao, chiếm tỷ trọng 42,52% trong tổng thu ngân sách;
- Các khoản thu phí, lệ phí (bao gồm lệ phí trước bạ) 3.134.434.460 đồng, đạt 348,27% so chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao, chiếm tỷ trọng 42,06% trong tổng thu ngân sách;
- Các khoản khác còn lại 368.099.396 đồng, đạt 111,55% so chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao, chiếm tỷ trọng 15,42% trong tổng thu ngân sách.

2. Phần thu điều tiết ngân sách xã được hưởng theo phân cấp

Tổng số thu điều tiết ngân sách xã được hưởng theo phân cấp 865.059.121 đồng (hụt 204.940.879 đồng), đạt 80,85% chỉ tiêu tỉnh và HĐND xã giao.

3. Thu cân đối ngân sách xã năm 2025: 134.211.067.778 đồng.

- Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 865.059.121 đồng.
- + *Các khoản thu được hưởng 100%:* 865.059.121 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 131.867.774.710 đồng.
- + *Bổ sung cân đối:* 11.812.000.000 đồng.
- + *Bổ sung có mục tiêu:* 120.055.774.710 đồng.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.390.325.011 đồng.
- Thu kết dư ngân sách: 87.908.936 đồng.

4. Phần chi ngân sách

Tổng chi ngân sách xã năm 2025 tỉnh giao 12.882.320.000 đồng, Hội đồng nhân dân xã, tại kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) quyết nghị tổng chi ngân sách xã 12.882.320.00 đồng.

Kết quả quyết toán chi ngân sách xã năm 2025 là 134.211.067.778 đồng, đạt 1.026,62% so dự toán tỉnh và chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao, cụ thể như sau:

4.1. Chi đầu tư phát triển. Kết quả thực hiện 2.126.346.000 đồng

Nguyên nhân tăng là do tỉnh bổ sung có mục tiêu để chi đầu tư XD CB vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.

4.2. Chi thường xuyên

Kết quả thực hiện 130.126.035.557 đồng, đạt 1.030,35% so chỉ tiêu tỉnh và chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao, bao gồm:

4.2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: 6.641.832.593 đồng, đạt 2.095,22% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 2.095,22% so chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao.

Nguyên nhân tăng là do bổ sung chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện chuyển về.

4.2.2. Chi sự nghiệp GD-ĐT và dạy nghề: 77.747.260.381 đồng, đạt 34.401,44% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 34.401,44 % so chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao.

Nguyên nhân tăng là do sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, tỉnh giao kinh phí các trường học về phòng quản lý theo quy định (09 trường).

4.2.3. Chi sự nghiệp môi trường: 417.640.000 đồng, đạt 930,57% so chỉ tiêu tỉnh giao và chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao.

Nguyên nhân tăng là do bổ sung chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã năm 2025.

4.2.4. Chi sự nghiệp VH-TT: 87.172.000 đồng, đạt 89,13 % so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 89,13 % so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

4.2.5. Chi sự nghiệp truyền thanh: 4.800.000 đồng, đạt 9,41% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 9,41% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

4.2.6. Chi sự nghiệp TDTT: 19.200.000 đồng, đạt 58,82% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 58,82% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

4.2.7. Chi đảm bảo xã hội: 12.472.633.500 đồng, đạt 5.643,73% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 5.643,73% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

Nguyên nhân tăng là do tỉnh bổ sung có mục tiêu chi trợ cấp cho đối tượng theo Nghị định 20 của Chính phủ; tặng quà cho Nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, chi tặng quà nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026.

4.2.8. Chi quản lý hành chính: 29.027.135.398 đồng, đạt 317,83% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 317,83% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

Nguyên nhân tăng là do tỉnh bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp chuyển cán bộ, công chức, viên chức từ thành phố Cà Mau, huyện và các đơn vị khác về xã, chi tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ ...

4.2.9. Chi quốc phòng: 1.441.277.227 đồng, đạt 163,97% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 163,97% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

Nguyên nhân tăng là do sau sắp xếp chuyển lực lượng DQTT từ các đơn vị khác về xã, tăng mức đóng BHXH và BHYT,...

4.2.10. Chi an ninh: 1.415.395.428 đồng, đạt 93,98% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 93,98% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

4.2.11. Chi y tế, dân số và gia đình: 742.902.030 đồng. Nguyên nhân tăng là do bổ sung chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện chuyển về.

4.2.12. Chi khác ngân sách: 108.787.000 đồng, đạt 89,91% so chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 89,91% so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao.

4.3. Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: 2.416.877.000 đồng.

5. Cân đối thu - chi ngân sách

- Tổng thu cân đối ngân sách cấp xã: 134.211.067.778 đồng.
- Tổng chi ngân sách cấp xã: 134.211.067.778 đồng.
- Kết dư ngân sách cấp xã: 0 đồng.

6. Chi chuyển nguồn xã Hồ Thị Kỷ: 1.958.686.221 đồng

- Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi: 1.614.039.033 đồng.

- Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 54.659.207 đồng.

- Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật ngân sách nhà nước, trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện: 289.987.981 đồng.

Tóm lại: Với sự chỉ đạo kỳ quyết của Thường trực Đảng ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân cùng với sự nỗ lực, quyết tâm phấn đấu của các ngành, đơn vị địa phương đã góp phần thực hiện thắng lợi dự toán ngân sách năm 2025, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách, người có công; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh của địa phương.

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

TT	PHẦN THU	Tổng số	Thu NS cấp xã	TT	PHẦN CHI	Tổng số	Chi NS cấp xã
1	2	3	5	6	7	8	10
	Tổng số thu	134.211.067.778	134.211.067.778		Tổng số chi	134.211.067.778	134.211.067.778
A	Tổng thu cân đối ngân sách	134.211.067.778	134.211.067.778	A	Tổng số chi cân đối ngân sách	134.211.067.778	134.211.067.778
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	865.059.121	865.059.121	1	Chi đầu tư phát triển	2.126.346.000	2.126.346.000
2	Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	0		2	Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0		3	Chi thường xuyên	130.126.035.557	130.126.035.557
4	Thu kết dư năm trước	37.908.936	37.908.936	4	Chi viện trợ	0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	1.390.325.011	1.390.325.011	5	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ	0	
6	Thu viện trợ	0	0	6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	131.867.774.710	131.867.774.710	7	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0	
	Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	11.812.000.000	11.812.000.000	8	Chi chuyển nguồn sang năm sau	1.958.686.221	1.958.686.221
	Trong đó: - Bổ sung có mục tiêu	120.055.774.710	120.055.774.710	9	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước	0	
-	Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	0	0				
-	Bội chi = chi - thu						
	B. Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)				B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹		

Xã Hồ Thị Kỷ, ngày 16 tháng 4 năm 2026
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 13 - KENH KHU VỰC XX



Trần Mộng Thùy

Xã Hồ Thị Kỷ, ngày tháng năm 2026

PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ M. Minh

Xã Hồ Thị Kỷ, ngày 16 tháng 4 năm 2026

TM. UBND XÃ HỒ THỊ KỶ
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP XÃ HỒ THỊ KỶ NĂM 2025

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		QUYẾT TOÁN NĂM 2025	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh DT/QT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND		Thu NSTW	Thu NSDP	Gồm:		Cấp trên giao	HĐND
							Thu NS tỉnh	Thu NS xã		
A	B	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	8=3/1	9=3/2
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)	2.140.000.000	2.140.000.000	148.415.441.882	579.122.124	147.836.319.758	13.625.251.980	134.211.067.778	6.935,30	6.935,30
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.140.000.000	2.140.000.000	15.069.433.225	579.122.124	14.490.311.101	13.625.251.980	865.059.121	704,18	704,18
I	Thu nội địa	2.140.000.000	2.140.000.000	15.069.433.225	579.122.124	14.490.311.101	13.625.251.980	865.059.121	704,18	704,18
1	Thu từ DNNN do trung ương QL	0	0	6.547.330	0	6.547.330	6.547.330	0		
	- Thuế GTGT			1.489.500		1.489.500	1.489.500			
	- Thuế TNDN			5.057.830		5.057.830	5.057.830			
	- Thuế TTĐB			0		0				
	- Thuế tài nguyên			0		0				
2	Thu từ DNNN địa phương QL	0	0	0	0	0	0	0		
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	605.000.000	605.000.000	5.394.855.788	0	5.394.855.788	5.394.855.788	0	891,71	891,71
	- Thuế GTGT	600.000.000	600.000.000	4.590.540.572		4.590.540.572	4.590.540.572		765,09	765,09
	- Thuế TNDN		0	788.327.464		788.327.464	788.327.464			
	- Thuế TTĐB		0	1.200.000		1.200.000	1.200.000			
	- Thuế tài nguyên	5.000.000	5.000.000	14.787.752		14.787.752	14.787.752		295,76	295,76
	- Thu khác về thuế	0	0	0		0				
5	Thuế thu nhập cá nhân	305.000.000	305.000.000	682.314.798		682.314.798	682.314.798		223,71	223,71
6	Thuế bảo vệ môi trường			0		0				
7	Lệ phí trước bạ	700.000.000	700.000.000	2.556.462.460		2.556.462.460	1.982.400.064	574.062.396	365,21	365,21
8	Thu phí, lệ phí	200.000.000	200.000.000	577.972.000	330.401.000	247.571.000	82.990.000	164.581.000	288,99	288,99
	- Phí do cơ quan nhà nước trung ương thu	85.000.000	85.000.000	330.401.000	330.401.000	0			388,71	388,71
	- Phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thu			0		0				
	- Phí do cơ quan nhà nước cấp huyện			59.500.000		59.500.000		59.500.000		
	- Phí do cơ quan nhà nước cấp xã	115.000.000	115.000.000	188.071.000		188.071.000	82.990.000	105.081.000	163,54	163,54
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0		0				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		QUYẾT TOÁN NĂM 2025	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh DT/QT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND		Thu NSTW	Thu NSDP	Gồm:		Cấp trên giao	HĐND
							Thu NS tỉnh	Thu NS xã		
A	B	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	8=3/1	9=3/2
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			238.800		238.800		238.800		
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			26.575.050		26.575.050	26.575.050			
12	Thu tiền sử dụng đất			5.445.134.200		5.445.134.200	5.445.134.200			
13	Thu cho thuê và tiền bán nhà thuộc SHNN			0		0				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			0		0				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			4.434.750		4.434.750	4.434.750			
16	Thu khác ngân sách	330.000.000	330.000.000	374.898.049	248.721.124	126.176.925	0	126.176.925	113,61	113,61
a	Thu tiền phạt	75.000.000	75.000.000	255.017.624	247.117.624	7.900.000	0	7.900.000		
	- Thu phạt trật tự ATGT	75.000.000	75.000.000	3.500.000		3.500.000		3.500.000		
	- Thu phạt về thuế, ANTT, Tòa án, VKS, ...		0	29.386.250	29.386.250	0				
	- Thu phạt khác			222.131.374	217.731.374	4.400.000		4.400.000		
b	Thu tịch thu			0		0				
c	Thu hồi các khoản chi năm trước			0		0				
d	Thu khác còn lại	255.000.000	255.000.000	119.880.425	1.603.500	118.276.925		118.276.925		
17	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản			0		0				
II	Thu về dầu thô			0		0				
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu			0		0				
IV	Thu viện trợ			0		0				
V	Các khoản huy động, đóng góp	0	0	0	0	0	0	0		
1	Các khoản huy động đóng góp XD CSHT			0		0				
2	Các khoản huy động đóng góp khác			0		0				
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính			0		0				
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			0		0				
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	0	0	131.867.774.710	0	131.867.774.710	0	131.867.774.710		
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	0	131.867.774.710	0	131.867.774.710	0	131.867.774.710		
1	Bổ sung cân đối			11.812.000.000		11.812.000.000		11.812.000.000		
2	Bổ sung có mục tiêu			120.055.774.710		120.055.774.710		120.055.774.710		
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			0		0				
D	THU CHUYỂN NGUỒN			1.390.325.011		1.390.325.011		1.390.325.011		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		QUYẾT TOÁN NĂM 2025	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh ĐT/QT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND		Thu NSTW	Thu NSDP	Gồm:		Cấp trên giao	HĐND
							Thu NS tỉnh	Thu NS xã		
A	B	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	8=3/1	9=3/2
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			87.908.936		87.908.936		87.908.936		

Xã Hồ Thị Kỳ, ngày 22 tháng 0 năm 2026

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 13 - KBN KHU VỰC XX

TRƯỞNG PHÒNG



Xã Hồ Thị Kỳ, ngày tháng năm 2026

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Văn Vĩnh

Xã Hồ Thị Kỳ, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TM.UBND XÃ HỒ THỊ KỲ

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ HỒ THỊ KỶ NĂM 2025

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trên)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số chi NSDP	Chi NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	12.882.320.000	12.882.320.000	134.211.067.778	134.211.067.778	1.041,82	1.041,82
I	Chi đầu tư phát triển	0	0	2.126.346.000	2.126.346.000		
1	Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác và chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước, chi tiết theo từng lĩnh vực		0	2.126.346.000	2.126.346.000		
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW			0			
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW			0			
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			0			
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			0			
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình			0			
1.6	Chi Văn hóa thông tin			0			
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình			0			
1.8	Chi Thể dục thể thao			0			
1.9	Chi Bảo vệ môi trường			0			
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			2.126.346.000	2.126.346.000		
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể			0			
1.12	Chi Bảo đảm xã hội			0			
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác			0			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật			0			

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh Q/T/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số chi NSDP	Chi NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương			0			
4	Chi đầu tư phát triển khác						
II	Chi trả lãi vay theo quy định			0			
III	Chi thường xuyên	12.629.320.000	12.629.320.000	130.126.035.557	130.126.035.557	1.030,35	1.030,35
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	226.000.000	226.000.000	77.747.260.381	77.747.260.381	34.401,44	34.401,44
2	Chi khoa học và công nghệ			0			
3	Chi quốc phòng	879.000.000	879.000.000	1.441.277.227	1.441.277.227	163,97	163,97
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.506.000.000	1.506.000.000	1.415.395.428	1.415.395.428	93,98	93,98
5	Chi y tế, dân số và gia đình			742.902.030	742.902.030		
6	Chi văn hóa thông tin	97.800.000	97.800.000	87.172.000	87.172.000	89,13	89,13
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	51.000.000	51.000.000	4.800.000	4.800.000	9,41	9,41
8	Chi thể dục thể thao	32.640.000	32.640.000	19.200.000	19.200.000	58,82	58,82
9	Chi bảo vệ môi trường	44.880.000	44.880.000	417.640.000	417.640.000	930,57	930,57
10	Chi các hoạt động kinh tế	317.000.000	317.000.000	6.641.832.593	6.641.832.593	2.095,22	2.095,22
11	Chi hoạt động của các CQ QLNN, Đảng, đoàn thể	9.133.000.000	9.133.000.000	29.027.135.398	29.027.135.398	317,83	317,83
12	Chi bảo đảm xã hội	221.000.000	221.000.000	12.472.633.500	12.472.633.500	5.643,73	5.643,73
13	Chi khác	121.000.000	121.000.000	108.787.000	108.787.000	89,91	89,91
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0			
V	Chi viện trợ			0			
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ			0			
VII	Chi chuyển nguồn			1.958.686.221	1.958.686.221		
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước			0			
IX	Chi dự phòng ngân sách	253.000.000	253.000.000	0		0,00	0,00
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0	0	0	0		
1	Bổ sung cân đối			0			
2	Bổ sung có mục tiêu	0	0	0	0		
	Trong đó: - Bằng nguồn vốn trong nước			0			

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số chi NSDP	Chi NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
	Trong đó: - Bảng nguồn vốn nước ngoài			0			
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			0	0		
TỔNG SỐ (A+B+C+D)		12.882.320.000	12.882.320.000	134.211.067.778	134.211.067.778	1.041,82	1.041,82

Xã Hồ Thị Kỳ, ngày 16 tháng 4 năm 2026
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 13 - KBNN KHU VỰC XX



Trần Mộng Thùy

Xã Hồ Thị Kỳ, ngày tháng năm 2026

PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG



Lê Văn Vĩnh

Xã Hồ Thị Kỳ, ngày 16 tháng 4 năm 2026

TM. UBND XÃ HỒ THỊ KỲ
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn